

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08- 7- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Huỳnh Văn Tịnh;

2- Ông Phạm Quang Ý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tôn Thị Q**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 599, đường V, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Từ Quang T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Đội 6, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17- 11- 2021, trong quá trình giải quyết vụ án chị Tôn Thị Q bày:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh Từ Quang T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 06/02/2020, khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 8 năm 2020 thì vợ chồng không còn chung sống chung với nhau nữa, hai vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Từ Quang T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung Từ Thanh B, sinh ngày 06/6/2020, hiện nay con đang ở Chị, khi ly hôn Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con không cầu anh Từ Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Khi vợ chồng cưới nhau thì được hai bên gia đình cho khoảng 13 chỉ vàng 9999 và số tiền mặt khoản 10.000.000đồng, tuy nhiên sau khi cưới Chị có bầu sinh con nên không đi làm được còn anh T công việc không ổn định thu nhập bấp bênh do đó đã sử dụng số tiền và vàng này sinh hoạt trong gia đình nên số vàng và tiền không còn nữa, hiện nay vợ chồng Chị không có tài sản chung gì, Chị không đồng ý như yêu cầu chia tài sản chung của anh T đã trình bày tại Tòa án.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không có ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Từ Quang T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị Q đã trình bày. Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì Anh cũng đồng ý ly hôn.

2. Về nuôi con: Vợ chồng có 01 đứa con chung Từ Thanh B, sinh ngày 06/6/2020, hiện nay con đang ở chị Q, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con. Trường hợp chị Q được trực tiếp nuôi con thì anh không cấp dưỡng cho con và chị Q không được đổi họ, tên của con, cản trở anh thăm, chăm sóc con.

3. Về tài sản chung: Anh có yêu cầu chia 13,5 chỉ vàng 9999 (anh nhận $\frac{1}{2}$ số tài sản 6,75 chỉ vàng 9999) và 10.000.000đ (anh nhận $\frac{1}{2}$ số tài sản 5.000.000đ) đây là số tài sản mà khi mới kết hôn vợ chồng còn dư lại.

4. Về nợ chung: Không nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Tôn Thị Q với anh Từ Quang T.

+ Về con chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị Q. Giao cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Từ Thanh B, sinh ngày 06/6/2020, hiện nay con đang ở Chị, anh Từ Quang T không cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Chị Q trình bày hiện nay vợ chồng không còn tài sản gì. Anh Từ Quang T có yêu cầu chị Q phải chia cho Anh $\frac{1}{2}$ số tài sản chung của vợ chồng và anh được chia là 6,75 chỉ vàng 9999 và 5.000.000đ mà khi mới kết hôn vợ chồng còn dư lại. Nhưng anh không làm đơn trước khi mở phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải và cũng không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nên không xem xét.

+ Nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về hôn nhân: Chị Q và anh T tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Q có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh, Chị sống không hợp nhau, có nhiều mâu thuẫn, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị Q và anh T đã sống ly thân phần ai nấy sống từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q cương quyết ly hôn anh T cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy anh T và chị Q thống nhất có 01 con chung là cháu Từ Thanh B, sinh ngày 06/6/2020, hiện nay chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng con từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Từ Thanh B, là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh Từ Quang T phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Q trình bày hiện nay vợ chồng không còn tài sản gì. Anh Từ Quang T có yêu cầu chị Q phải chia cho Anh ½ số tài sản chung của vợ chồng và anh được chia là 6,75 chỉ vàng 9999 và 5.000.000đ mà khi mới kết hôn vợ chồng còn dư lại. Ngày 09/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi có văn bản số 94/TB-TA “Thông báo về việc nộp đơn yêu cầu phản tố” nhưng anh T không làm đơn yêu cầu phản tố trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải và cũng không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Q, anh T khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Q nộp để sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Thị Q được ly hôn với anh Từ Quang T.

2. Về con chung: Giao cho chị Tôn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Từ Thanh B, sinh ngày 06/6/2020, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Tôn Thị Q nộp để sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001189 ngày 26-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/7/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh B, huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

Thượng Trọng Ký